

Số: /QĐ-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng nhà lớp học 09 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Chân Lý

### GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 2; điểm a, khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 511/VPUB-TCĐNC ngày 20/2/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về việc thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phụ trách, điều hành hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam;

*Căn cứ Biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng nhà lớp học 09 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Chân Lý ngày 06/12/2024.*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Chân Lý tại văn bản số 14/UBND ngày 21/02/2025 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng nhà lớp học 09 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Chân Lý và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng nhà lớp học 09 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Chân Lý (*sau đây gọi là dự án*) của Ủy ban nhân dân xã Chân Lý (*sau đây gọi là chủ dự án*) thực hiện tại xã Chân Lý, huyện Lý Nhân với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (*để báo cáo*);
- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- UBND huyện Lý Nhân (*để theo dõi, g/sát*);
- Trung tâm TT, DL và PTQĐ (*để đăng Web*);
- UBND xã Chân Lý (*để thực hiện*);
- Lưu: VT, MT, HS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quang Nghiệp**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**Xây dựng nhà lớp học 09 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non**  
**trung tâm xã Chân Lý của Ủy ban nhân dân xã Chân Lý**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STN&MT ngày tháng năm 2025*  
*của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung về dự án**

- Tên dự án: Xây dựng nhà lớp học 09 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Chân Lý.

- Địa điểm thực hiện dự án: tại xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Tên chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Chân Lý.

- Địa chỉ liên hệ: xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**1.2. Phạm vi, quy mô của dự án**

\* *Phạm vi dự án:*

+ Dự án thực hiện tại xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

+ Tổng diện tích thực hiện dự án khoảng 5.486,68 m<sup>2</sup>, trong đó: đất giáo dục hiện trạng là 2.860,19 m<sup>2</sup>, đất thủy lợi 125,26 m<sup>2</sup>, đất trồng lúa là 2.549,23 m<sup>2</sup>.

+ Phạm vi thực hiện dự án: Xây dựng mới nhà lớp học 02 tầng, 9 phòng, hành lang cầu, hệ thống PCCC theo quy định và các hạng mục phụ trợ trên diện tích mở rộng 2.626 m<sup>2</sup> (*san nền, hệ thống xử lý nước thải, bể nước phòng cháy chữa cháy, tường rào, sân bê tông, cấp thoát nước, cấp điện, cây xanh*) đảm bảo sự đồng bộ phần công trình mở rộng với công trình hiện trạng và hoàn trả kênh hiện trạng.

\* *Quy mô dự án:*

- Quy mô sử dụng đất khoảng 5.486,68 m<sup>2</sup>, cơ cấu sử dụng đất của dự án cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
<b>I</b>	<b>Diện tích quy hoạch (II+III)</b>	<b>5.486,68</b>
<b>II</b>	<b>Công trình hiện trạng</b>	<b>2.860,19</b>
1	Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng	238
2	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	435
3	Nhà bếp 1 chiều	106
4	Hành lang cầu	13
5	Nhà bảo vệ	17
6	Sân	1.626,19
7	Cây xanh	425
<b>III</b>	<b>Công trình mở rộng</b>	<b>2.626,49</b>
1	Nhà lớp học 9 phòng 2 tầng 12,3x30,6m và 11,7x19,5m	604,53
2	Hành lang cầu	6,7221

3	Nhà bơm PCCC	13,2
4	Diện tích sân bê tông làm mới	260
5	Diện tích san nền sân, đất dự trữ xây dựng công trình	1.282,03
6	Diện tích cây xanh	460
<b>IV</b>	<b>Công trình bảo vệ môi trường</b>	
1	Hệ thống xử lý nước thải ( <i>công trình hiện trạng kết nối công trình mở rộng</i> )	25,3 ( <i>xây ngầm</i> )
2	Bể nước PCCC ( <i>xây mới</i> )	39,6 ( <i>xây ngầm</i> )
3	Hoàn trả kênh hiện trạng ( <i>xây mới</i> )	94,00 ( <i>xây ngầm</i> )
4	Bể phốt ( <i>hiện trạng</i> )	9 ( <i>xây ngầm</i> )
5	Bể phốt ( <i>xây mới</i> )	14,04 ( <i>xây ngầm</i> )
6	Bể tách mỡ ( <i>xây mới</i> )	3,672 ( <i>xây ngầm</i> )
7	Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại ( <i>xây mới</i> )	2,5

- Quy mô hoạt động phục vụ khoảng 240 trẻ và 25 giáo viên, nhân viên của trường.

### **1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

\* Các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính:

+ San nền diện tích 2.549,23m<sup>2</sup>.

+ Xây dựng Nhà lớp học 9 phòng 2 tầng, hình chữ L kích thước 12,3x30,6m và 11,7x19,5m.

+ Hoàn trả kênh tưới N1 có kích thước BxH là 600x1000 có chiều dài khoảng 102m.

+ Di chuyển hệ thống cột, đường điện cũ, lắp đặt hệ thống điện mới.

- Các hạng mục công trình phụ trợ, bảo vệ môi trường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: 01 lán trại của công nhân, 01 kho chứa chất thải nguy hại, 01 cầu phun rửa xe trước khi ra khỏi công trường xây dựng.

+ Giai đoạn hoạt động: Nhà bếp, hành lang cầu, nhà bảo vệ, nhà xe, 01 bể nước PCCC, 08 bể tự hoại, 01 bể tách dầu mỡ, cụm bể xử lý nước thải composite tổng công suất 20m<sup>3</sup>/ngày đêm, khu lưu giữ rác thải sinh hoạt và nguy hại, sân đường nội bộ và cây xanh.

\* Hoạt động của dự án:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền và hoàn trả kênh mương, đường điện; hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng; hoạt động vận chuyển chất thải rắn xây dựng; vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình xây dựng; hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng; hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ mầm non hiện trạng.

- Giai đoạn hoạt động: Hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ mầm non.

### **1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích là 2.549,23 m<sup>2</sup>.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

\* Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải gồm:

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, bóc đất hữu cơ, đào đất không thích hợp, san nền, hoàn trả kênh mương, tháo dỡ hoàn trả đường điện.
- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình san nền, thi công xây dựng.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

\* *Chất thải bao gồm:*

- Bụi và khí thải ( $SO_2$ ,  $CO$ ,  $NO_2$ ,  $VOC...$ ) phát sinh từ quá trình: san nền, máy móc thi công, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, hoạt động thi công xây dựng tại công trường.
- Nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải rửa xe, nước mưa chảy tràn.
- Chất thải rắn thông thường: Rác thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng.
- Chất thải nguy hại.

\* *Các tác động không liên quan đến chất thải:* Tiếng ồn, độ rung, an toàn giao thông khu vực.

### **2.2. Giai đoạn hoạt động**

- Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải: Hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ mầm non; Hoạt động của các phương tiện giao thông; Hoạt động lưu giữ chất thải; Hoạt động của điều hoà không khí.

- Chất thải phát sinh bao gồm:

+ Bụi và khí thải ( $SO_2$ ,  $CO$ ,  $NO_2$ ,  $VOC...$ ) phát sinh từ hoạt động giao thông ra vào khu vực trường mầm non, từ hoạt động nấu nướng phục vụ ăn uống của nhà trường.

+ Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

+ Chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải rắn thông thường.

+ Chất thải nguy hại.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung, an toàn giao thông,...

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Nước thải, khí thải**

#### **3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

\* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của công nhân xây dựng trên công trường với khối lượng khoảng  $1,35m^3/ngày$  (nước thải nhà vệ

sinh  $0,81m^3/ngày$ , nước thải xám là  $0,54m^3/ngày$ ). Thành phần ô nhiễm chính: TSS, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nước thải rửa xe: Nước thải rửa xe từ quá trình thi công xây dựng là  $0,275m^3/ngày$ . Thành phần: Chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng  $0,08m^3/s$ . Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

*\* Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận tải, máy móc thi công do tiêu thụ nhiên liệu (dầu DO) với các chất ô nhiễm như SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>, VOC.

- Bụi, NO<sub>x</sub>, CO, VOC từ quá trình thi công xây dựng: Hoạt động san, gạt đất đá; hàn kết cấu kim loại, quá trình trộn bê tông, trộn vữa, quá trình sơn hoàn thiện,...

### 3.1.2. Giai đoạn hoạt động

*\* Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Khối lượng nước thải phát sinh khoảng  $18,5m^3/ngày.đêm$  (trong đó: khối nhà lớp học hiện trạng 12 phòng phát sinh khoảng  $9,26m^3/ngày.đêm$ ; khối nhà lớp học xây mới 09 phòng khoảng  $9,24m^3/ngày.đêm$ ). Thành phần: TSS, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng  $0,11 m^3/s$ . Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

*\* Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông, thành phần: Bụi; SO<sub>2</sub>; NO<sub>x</sub>; CO, VOC.

- Bụi, khí thải từ việc sử dụng gas để nấu ăn; mùi của hoạt động chế biến thức ăn.

- Khí thải phát sinh từ khu vực lưu giữ chất thải chủ yếu là mùi hôi từ quá trình phân hủy các chất hữu cơ.

## 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

### 3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- *Chất thải rắn thông thường:*

+ Khối lượng chất thải từ phát quang thực vật khoảng 0,375 tấn.

+ Khối lượng tầng đất mặt đào từ khu vực đất trồng lúa, đất đào không thích hợp từ quá trình thi công khoảng  $1.875,2m^3$  (trong đó khối lượng đất tầng đất mặt khoảng  $509,85m^3$ , đất không thích hợp khoảng  $1.365,35m^3$ ).

+ Khối lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 9,24 tấn/quá trình. Thành phần các chất thải rắn gồm vỏ bao xi măng, đầu mẫu gỗ cốp pha, đất đá, cát, sỏi rơi vãi, gạch vỡ,....

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/ngày. Thành phần: Các chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại,...

- *Chất thải nguy hại*: Khối lượng phát sinh khoảng 215,47 kg/quá trình. Thành phần bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, giẻ lau dính sơn, vật liệu quét sơn; thùng chứa dầu mỡ, vỏ hộp sơn thải; đầu mẫu que hàn thải, xỉ hàn; pin, ắc quy hỏng; dầu mỡ thải; cặn sơn thải; vật liệu thấm dầu,...

### 3.2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng chất thải sinh hoạt khoảng 132,5 kg/ngày. Thành phần bao gồm: Rác hữu cơ, nhựa và chất dẻo, rác vô cơ, các chất khác bao gồm giấy, bút bi hết mực, túi nilon, thùng carton, sách báo cũ, đồ dùng giáo dục, đồ dùng học tập cũ, đồ chơi hỏng,...

- *Chất thải nguy hại*: Khối lượng phát sinh khoảng 73 kg/năm, bao gồm: Pin, ắc quy thải; chất tẩy rửa; giẻ lau dính dầu mỡ,...

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. *Giai đoạn thi công xây dựng*: Tiếng ồn, độ rung do các xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, các máy móc và phương tiện thi công xây dựng trên công trường.

3.3.2. *Giai đoạn vận hành dự án*: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, từ thiết bị điều hoà không khí, từ máy bơm nước,...

### 3.4. Các tác động khác

- Các rủi ro sự cố trong giai đoạn thi công và hoạt động của dự án như: Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ,...

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động đến giao thông vận tải khu vực.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

#### 4.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

##### \* Biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Thuê 01 nhà vệ sinh di động bằng composite có 02 phòng, bố trí 01 bể tự hoại đúc sẵn bằng composite dung tích 3m<sup>3</sup> để lưu trữ nước thải sinh hoạt. Định kỳ thuê đơn vị đủ chức năng hút và đem đi xử lý với tần suất 02 lần/tuần hoặc khi đầy.

- Nước thải rửa xe, nước thải sinh hoạt của công nhân: Thu gom và xử lý bằng bể xử lý 04 ngăn có kích thước Dài x Rộng x Cao = 2,89x0,72x1 (m). Quy trình xử lý: Nước thải rửa xe → Ngăn gom → Ngăn tách váng dầu (có bố trí xơ bông thấm dầu) → Ngăn lắng cặn → Ngăn chứa tái sử dụng. Nước thải sau xử lý được tận dụng để rửa xe, phun dập bụi không xả thải ra ngoài môi trường.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Thu gom chất thải rắn trên mặt bằng dự án sau mỗi ngày làm việc để tránh ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực dự án. Bố trí máy bơm phục vụ thoát nước khi cần.

+ Hoàn trả kênh tưới N1 có kích thước BxH là 600x1000 có chiều dài khoảng 102m.

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải*

- Bố trí Trạm rửa xe tại khu vực công ra vào công trường thi công tại phần diện tích mở rộng của dự án để xịt rửa xe trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí công nhân quét dọn đất, đá rơi vãi tuyến đường vận chuyển vật liệu vào khu vực dự án. Bố trí các xe chở nước phun ẩm công trường thi công, khu vực từ tuyến đường Vũ Điện vào dự án với chiều dài khoảng 0,5 km trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu thi công xây dựng vào các ngày trời khô hanh, nắng nóng với tần suất 4 lần/ngày.

- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu là các loại xe được đăng kiểm theo quy định, có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu chạy đúng tốc độ quy định.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công. Các thiết bị đều lắp ống giảm thanh.

- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông trong khoảng thời gian đưa, đón trẻ.

#### 4.1.2. Giai đoạn hoạt động

*\* Biện pháp thu gom và xử lý nước thải*

- Xây dựng hệ thống thu gom thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Biện pháp thu gom, xử lý theo quy hoạch: Theo Quy hoạch vùng huyện Lý Nhân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Hà Nam) nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực thực hiện dự án được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung để xử lý.

+ Biện pháp thu gom xử lý nước thải tạm thời: Khi hệ thống thoát nước chung theo quy hoạch huyện chưa được xây dựng và hoạt động, nước thải từ các nhà vệ sinh thoát vào ống nhựa đưa về các bể tự hoại và theo đường ống PVC D110 thoát về hố ga phía Đông dự án (Hố ga số 01, Hố ga số 02) rồi đầu nối vào cụm bể xử lý nước thải (Gồm 02 modul, mỗi modul công suất xử lý 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm). Quy trình xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ tại 08 bể tự hoại (gồm: 05 bể cũ dung tích 2,0 m<sup>3</sup>/bể, 03 bể mới dung tích 3,2m<sup>3</sup>/bể) + Nước thải nhà bếp được tách dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ dung tích 3,5m<sup>3</sup>) → Hệ thống thu gom nước thải → Cụm bể xử lý nước thải composite, xử lý bằng công nghệ sinh học AO → nước thải sau xử lý đạt Cột A, QCVN



14:2008/BTNMT với  $K = 1 \rightarrow$  Mương phía Tây của dự án. Vị trí xả thải tại mương phía Tây dự án, tọa độ điểm xả thải (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}$ , múi chiếu  $3^{\circ}$* ):  $X(m) = 2279019,86$ ;  $Y(m) = 613518,5$  (theo biên bản làm việc ngày 18/10/2024 giữa UBND xã Chân Lý và Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp xã Chân Lý về việc thỏa thuận vị trí đầu nối thoát nước thải sau xử lý của Dự án và Văn bản số 286/SNN-TL ngày 26/02/2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tham gia ý kiến xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án: Xây dựng nhà lớp học 09 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Chân Lý).

*\* Biện pháp thu gom nước mưa chảy tràn*

- Thoát nước mưa mái dùng ống nhựa PVC D90.
- Thoát nước mưa bề mặt: sử dụng rãnh thoát nước chung B300 bao quanh các khu nhà, chiều dài rãnh thoát nước  $L = 54,2m$

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường không khí:*

- Bê tông hóa sân đường nội bộ để giảm thiểu đất cát bị cuốn bay;
- Trồng cây xanh để tạo cảnh quan và cải thiện chất lượng không khí.
- Bố trí cán bộ, nhân viên vệ sinh sân đường, thu gom rác thải, lá cây với tần suất tối thiểu 1 lần/ngày;
- Các thùng đựng rác thải sinh hoạt có nắp đậy kín nhằm tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường.
- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày để vận chuyển xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày, tránh việc lưu trữ rác trong thời gian dài.

## **4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

### **4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Rác thải sinh hoạt:
  - + Bố trí 02 thùng đựng rác sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng tại khu vực lán trại của công nhân.
  - + Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 2 ngày/lần.
- Chất thải rắn thông thường:
  - + Tận dụng toàn bộ lượng đất hữu cơ không thích hợp vào lô cây xanh và khu vực đất dự trữ phát triển, không vận chuyển ra bên ngoài khu vực thực hiện dự án.
  - + Chất thải rắn xây dựng: Tuân thủ theo Quyết định 19/2023/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.
- Chất thải nguy hại: Bố trí 08 thùng chứa có nắp đậy dung tích 50 lít/thùng

để lưu giữ chất thải nguy hại. Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại dạng container 10 feet gần khu vực lán trại công nhân. Hợp đồng với đơn vị dịch vụ có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### 4.2.2. Giai đoạn hoạt động

- Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác:

+ Tổ chức thực hiện phân loại rác sinh hoạt ngay tại nguồn thành 3 loại: rác tái chế, rác hữu cơ, các loại rác khác.

+ Bố trí các thùng rác để thu gom rác: bố trí 20 thùng rác tại các lớp học, nhà hiệu bộ sân trường dung tích 10 lít/thùng có nắp đậy để lưu giữ các loại rác thải phát sinh.

+ Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng được dán nhãn CTR sinh hoạt đặt bên ngoài khu vực nhà bếp để phân loại chất thải, bao gồm: Thùng chứa rác tái chế, thùng chứa các loại rác khác. Bố trí khu lưu giữ rác thải sinh hoạt 1,5 m<sup>2</sup> sau khu vực nhà bếp để lưu giữ rác thải, sau đó được thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại:

+ Bố trí 03 thùng rác có nắp đậy, dung tích 20-50 lít/thùng để lưu giữ chất thải nguy hại.

+ Định kỳ 6 tháng đến 01 năm thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định của pháp luật.

### 4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động khác

#### 4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Không sử dụng các thiết bị máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao và ảnh hưởng tới công nhân vận hành.

- Không hoạt động vào giờ nghỉ: 21h – 6h; 11h30 – 13h30

- Bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công

#### 4.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Treo biển hạn chế bấm còi và nhắc nhở các phương tiện không rú ga ầm ĩ trong khu vực sân trường.

- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương về việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông khu vực nhà trẻ.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tiêu thoát nước, phương án phòng chống cháy nổ,...

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

### 5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

\* *Giám sát Môi trường không khí*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực cổng trường mầm non hiện trạng.

- Chỉ tiêu giám sát: Bụi, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có hoạt động thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 26/2016/BYT.

\* *Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần chất thải phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

\* *Giám sát các vấn đề môi trường khác*

- Vị trí giám sát: Khu vực dự án, tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu từ đường Vũ Điện, tuyến đường phía Đông vào dự án.

- Vấn đề cần giám sát: Công tác dọn dẹp mặt bằng thi công hàng ngày, công tác tưới nước giảm thiểu bụi; Hoạt động thu gom, xử lý nước thải rửa xe; Hoạt động thu gom nước thải sinh hoạt; Hoạt động của hệ thống tiêu thoát nước mưa.

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

## **5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động**

\* *Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

\* *Giám sát nước thải*

- Vấn đề cần giám sát: hoạt động thu gom, thoát nước thải của dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

*\* Giám sát các vấn đề môi trường khác*

- Tình trạng hoạt động của các hạng mục trong khu vực dự án.
- Tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án.

- Các rủi ro về cháy nổ, sét đánh, tai nạn giao thông...

- Tần suất thực hiện: thường xuyên.

**6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

6.1. Lập kế hoạch và thực hiện phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, an ninh xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành. Phối hợp với các dự án xung quanh để có phương án thi công không gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan khu vực và hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân trong khu vực.

6.2. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, đảm bảo cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp xung quanh dự án trong suốt quá trình thi công xây dựng và dự án đi vào hoạt động.

6.3. Phải duy tu, bảo dưỡng, hoàn trả tuyến đường nếu xảy ra hư hỏng, xuống cấp trong quá trình vận chuyển nguyên nhiên vật liệu thi công xây dựng.

6.4. Thực hiện thủ tục đấu nối và đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải khi hệ thống đường ống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch được xây dựng và hoạt động. Thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

6.5. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.6. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án đầu tư. Hoàn thiện nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được nêu trên./.